TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 13 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bàn Thị Thanh

Bà Đàm Thiếu Phương

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Triệu Tuấn Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Văn Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2019/TLST- HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 03/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo:

Lý Thị D, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1992 tại: huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn K, sinh năm 1969 và bà Sầm Thị C, sinh năm 1972 (đã chết); chồng là Lý Đình C, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn là Lê Anh T sinh ngày 25/5/2012, con nhỏ là Lê Gia B sinh ngày 05/4/2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/10/2019, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nông Văn T1, sinh năm 1986; trú tại: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Chị Quàng Thị N, sinh năm 1987; trú tại: Thôn P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3. Anh Nông Văn T2, sinh năm 1992; trú tại: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Chị Lò Thị T, sinh năm 1984; trú tại: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

5. Anh Nông Văn T3, sinh năm 1993, trú tại: thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Chị Vì Thị H, sinh năm 1989, trú tại: thôn P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

7. Anh Lý Văn H, sinh năm 1986, trú tại: thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Chị Nông Thị H, sinh năm 1996, vắng mặt
2. Chị Cà Thị H, sinh năm 1986, vắng mặt
3. Ông Lý Văn D, sinh năm 1955, vắng mặt.
4. Anh Vũ Duy H, sinh năm 1991, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 20 phút ngày 07/10/2019, Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra nhà nghỉ T do Nông Thị H, sinh năm 1996, trú tại Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn làm chủ, phát hiện: Tại Phòng 301 có Nông Văn T và Quàng Thị N; tại phòng 302 có Lò Thị T và Nông Văn T; tại Phòng 303 có Nông Văn T và Vì Thị H đang có hành vi quan hệ tình dục. Quá trình kiểm tra tại Phòng 301 thu giữ 01 (một) bao cao su và 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu Sure đã qua sử dụng, 01 (một) bao cao su nhãn hiệu Sure chưa qua sử dụng; tại Phòng 302 thu giữ 04 (bốn) bao cao su nhãn hiệu Romax và 01 (một) bao cao su nhãn hiệu Sure chưa qua sử dụng; tại Phòng 303 thu giữ 01 (một) bao cao su và 01 (một) vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax đã qua sử dụng; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu Romax chưa qua sử dụng. Lời khai ban đầu, các đối tượng Quàng Thị N, Lò Thị T và Vì Thị H khai nhận đều là nhân

viên quán hát karaoke Anh Tú do Lý Thị D quản lý. Lý Thị D là người làm trung gian cho các đối tượng gặp gỡ, thỏa thuận việc mua bán dâm.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Lý Thị D, Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng; 01 (một) điện thoại di động màu hồng màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung; 03 (ba) bao cao su nhãn hiệu Vip và 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Romax chưa qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Lý Thị D khai nhận: Quán hát Anh Tú do Lý Thị D và gia đình xây dựng từ cuối năm 2017, Lý Thị D là người trực tiếp quản lý, điều hành. Đến đầu năm 2019, Lý Thị D thuê các nhân viên nữ để phục vụ rót rượu, chọn bài và hát cùng khách. Các nhân viên được bố trí chỗ ăn ở tại phòng tầng hai của quán và thỏa thuận không trả lương theo tháng mà trả theo thời gian phục vụ và hát cùng khách. Khoảng 21 giờ ngày 06/10/2019 có Nông Văn T1, Nông Văn T2, Nông Văn T3 đến quán của Lý Thị D hát và gọi 03 (ba) nhân viên nữ là Lò Thị T, Quàng Thị N, Vì Thị H vào rót rượu và hát cùng. Trong quá trình hát, Nông Văn T1 ra gặp Lý Thị D đặt vấn đề mua dâm với các nhân viên của quán rồi vào hát tiếp. Đến khoảng 23 giờ 55 phút cùng ngày thì Nông Văn T1, Nông Văn T2, Nông Văn T3 nghỉ hát rồi ra quầy thanh toán tiền hát và tiếp tục đặt vấn đề mua dâm qua đêm với nhân viên thì Lý Thị D đồng ý và gọi Vì Thị H, Quàng Thị N, Lò Thị T đến trao đổi, thỏa thuận với về việc mua bán dâm. Sau đó, Nông Văn T1 đưa số tiền mua dâm của cả ba người là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho Lý Thị D, để tra tiền mua dâm cho Vì Thị H, Quàng Thị N, Lò Thị T, sau đó mỗi người đưa lại cho Lý Thị D 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền môi giới như đã thỏa thuận từ trước. Sau đó sáu người cùng đi đến Nhà nghỉ T để thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an huyện Tràng Định kiểm tra phát hiện như đã nêu ở trên.

Cáo trạng số 07/CT-VKSTĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố Lý Thị D về tội Môi giới mại dâm, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lý Thị D về tội Môi giới mại dâm.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu). Về vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 3.000.000 đồng (ba triệu). Tịch thu tiêu hủy 08 (tám) bao cao su nhãn hiệu Vip, 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Sure và 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Romax chưa qua sử dụng; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (một) vỏ đựng bao cao su nhãn hiệu Romax; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (một) vỏ đựng bao cao su nhãn hiệu Sure; Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn

hiệu Samsung, màu hồng, cũ đã qua sử dụng và 01 (một) quyển sổ học sinh bìa màu vàng

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận tòa bộ hành vi như cáo trạng đã nêu.

Cụ thể quán hát Anh Tú do bị cáo Lý Thị D trực tiếp quản lý và điều hành từ cuối năm 2017, đến đầu năm 2019 do nhu cầu của khách hàng nên Lý Thị D đã thuê các nhân viên nữ để phục vụ rót rượu và hát cùng khách. Các nhân viên này được bố trí chỗ ăn, ở tại tầng II của quán. Đầu tháng 8 năm 2019 thấy có nhiều khách đặt vấn đề mua dâm với các nhân của quán nên Lý Thị D và các nhân viên nữ đã thống nhất với nhau nếu có khách mua dâm thì phải được sự đồng ý của Lý Thị D, địa điểm và giá tiền mua bán dâm thì do nhân viên và khách hàng tự thỏa thuận, Lý Thị D được hưởng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) cho mỗi lần qua đêm và 100.000 đồng (một trăm nghìn) cho một lần bán dâm.

Khoảng 23 giờ 55 phút cùng ngày thì Nông Văn T1, Nông Văn T2, Nông Văn T3 có đặt vấn đề mua dâm với các nhân viên của quán như đã nói ở trên. Ngoài lần môi giới này bị cáo không tổ chức mua bán dâm cho khách hàng lần nào, bị cáo cho rằng chỉ vì muốn tạo điều kiện cho các nhân viên của quán kiếm thêm thu nhập và kiếm thêm chút tiền hoa hồng nên mới vi phạm pháp luật. Hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo đang nuôi hai con nhỏ, con lớn hiện hơn 7 tuổi, con nhỏ hơn 1 tuổi, chồng của bị cáo vừa bị Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn kết án 18 (mười tám) tháng tù về tội đánh bạc tại bản án số 48/2019/HSST ngày 31/12/2019, bị cáo là lao động chính và duy nhất trong gia đình, bị cáo tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nông Văn T1, chị Quàng Thị N, anh Nông Văn T2, chị Lò Thị T, anh Nông Văn T3, chị Vì Thị H, anh Lý Văn H và người làm chứng, chị Nông Thị

H, chị Cà Thị H, ông Lý Văn D, anh Vũ Duy H vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy những người có tên trên đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án, do vậy Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có căn cứ xác định vào hồi 23 giờ 55 phút ngày 07/10/2019 tại quán Ka ra ô kê Anh Tú, thuộc Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn Nông Văn T1, Nông Văn T2, Nông Văn T3 đặt vấn đề mua dâm Vì Thị H, Quàng Thị N, Lò Thị T là nhân viên quán hát do Lý Thị D quản lý với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Lý Thị D đồng ý và được hưởng lợi 450.000 đồng. Như vậy Lý Thị D là người trung gian cho việc mua bán dâm. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lý Thị D phạm tội Môi giới mại dâm, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh gia đình của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, chưa có tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Hội đồng xét xử nhận định bị cáo là người có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng, ngoài tình tiết định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, đồng thời tuy bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng nhưng đây là lần đầu phạm tội. Ngoài ra, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại bản án số 48/2019/HSST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định đã tuyên phạt chồng bị cáo là Lê Đình C phạm tội đánh bạc với mức án 18 tháng tù, theo đơn của bị cáo được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn xác nhận thì bị cáo là lao động chính và duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con nhỏ là cháu Lê Anh T, sinh ngày 25/5/2012 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 05/4/2018 (dưới 36 tháng tuổi), Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt của bị cáo tại phiên tòa là quá nghiêm khắc. Hội đồng xét xử nhận thấy ngoài việc đánh

giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, chưa xem xét hết nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo.

[7] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng, chồng của bị cáo bị Tòa án tuyên hình phạt tù giam, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo và không vi phạm điều cấm về người được hưởng án treo theo dướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi năm 2017. Vì vậy, có thể áp dụng đầu khung hình phạt, cho bị cáo cải tại tại địa phương, ấn định tối đa thời gian thử thách, dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú cũng đủ để trừng trị bị cáo về hành vi mà bị cáo gây ra, tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc, nuôi dưỡng các con nhỏ để thể hiện sự nhân văn và khoan hồng của Đảng và nhà nước đối với người phạm tội.

[8] Đối với hành vi của Lò Thị T, Quàng Thị N và Vì Thị H có hành vi bán dâm; Nông Văn T1, Nông Văn T2 có hành vi mua dâm. Căn cứ khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội, Công an huyện Tràng Định đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

[9] Đối với Nông Văn T3 có hành vi mua dâm, quá trình kiểm tra tại nhà nghỉ T và tại Cơ quan điều tra, Nông Văn T3 khai sinh năm 1993, trú tại thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên qua xác minh tại địa chỉ trên không có đối tượng nào tên là Nông Văn T3 có lai lịch như đã khai nhận, do vậy không có căn cứ xử lý.

[10] Đối với Nông Thị H là chủ nhà nghỉ T, quá trình điều tra xác định Nông Thị H không biết việc các đối tượng đến thuê phòng nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ xử lý.

[11] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám biển kiểm soát: 12T1-118.40 của vợ chồng anh Lý Văn H, sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Lý Thị D mượn xe mô tô trên để sử dụng đi lại hàng ngày. Khi Lý Thị D cho Vì Thị H mượn xe mô tô anh Lý Văn H không biết. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Lý Văn Hảo.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu có trong hồ sơ và tài phiên tòa ngày hôm nay thể hiện bị cáo có tài sản nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[13] Về vật chứng: Đối với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu để sung quỹ nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quyển sổ học sinh bìa màu vàng, đã qua sử dụng; 08 (tám) bao cao su nhãn hiệu Vip, 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Sure và 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Romax chưa qua sử dụng; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (một) vỏ đựng bao cao su nhãn hiệu Romax; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng

và 01 (một) vỏ đựng bao cao su nhãn hiệu Sure. Trả cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng do không liên quan đến việc phạm tội.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328 điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Thị D phạm tội Môi giới mại dâm.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/02/2020). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn phối hợp cùng gia đình, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 phạt tiền đối với Lý Thị D 10.000.000 đồng (mười triệu) để sung ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1 Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4.2. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quyển sổ học sinh bìa màu vàng, đã qua sử dụng; 08 (tám) bao cao su nhãn hiệu Vip, 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Sure và 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Romax chưa qua sử dụng; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (một) vỏ đựng bao cao su nhãn hiệu Romax; 01 (một) bao cao su đã qua sử dụng và 01 (một) vỏ đựng bao cao su nhãn hiệu Sure.

4.3. Trả cho bị cáo Lý Thị D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng cũ đã qua sử dụng.

(các vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn và Uỷ nhiệm chi, chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 26 tháng 12 năm 2019)

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ Điều tra CA huyện Tràng Định;
- CQ THAHS huyện Tràng Định;
- Chi cục THA DS huyện Tràng Định;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Bình